

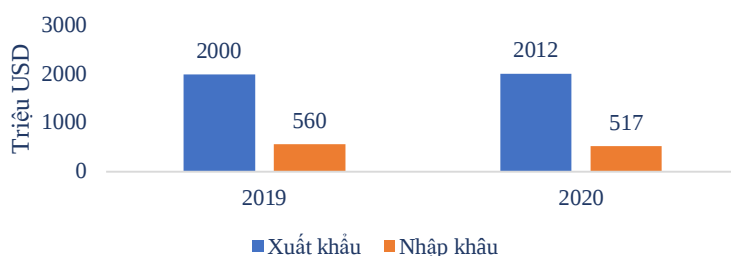
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

Thị trường HÀN QUỐC



TÌNH HÌNH CHUNG

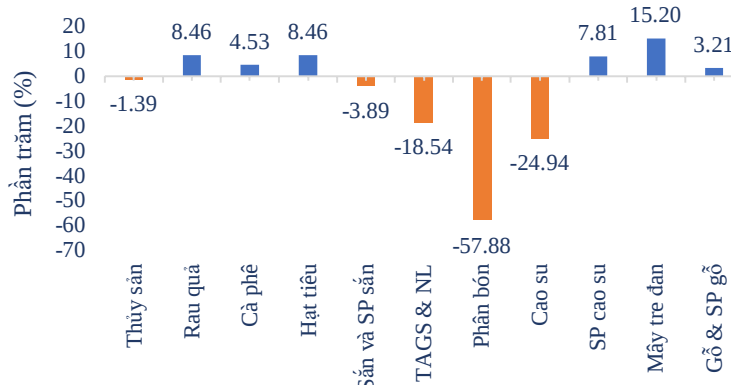
Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam - Hàn Quốc



So sánh xuất nhập khẩu
NLTS Việt Nam – Hàn Quốc
2020 /2019

Xuất khẩu	▲ 0,57 %
Nhập khẩu	▼ 7,62 %

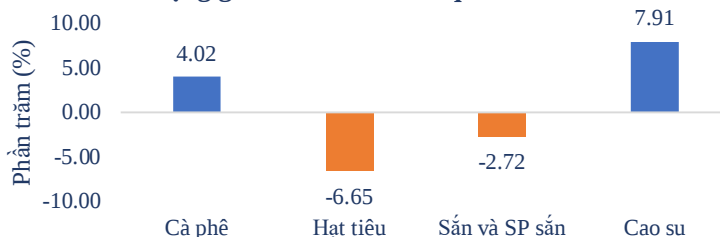
Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính Việt
Nam sang Hàn Quốc năm 2020/19



So sánh 2020/2019

Thủy sản	▼ 1,39%
Rau quả	▲ 8,46%
Cà phê	▲ 4,53%
Hạt tiêu	▲ 8,46%
Sắn và SP sắn	▼ 3,89%
TĂGS và NL	▼ 18,54%
Phân bón	▼ 57,88%
Cao su	▼ 24,94%
SP từ cao su	▲ 7,81 %
Mây tre đan	▲ 15,20 %
Gỗ và SP Gỗ	▲ 3,21%

Biến động giá xuất khẩu bình quân năm 2020/19



So sánh giá xuất khẩu BQ
2020/2019

Cà phê	▲ 4,02%
Cao su	▲ 7,91%
Sắn và SP sắn	▼ 2,72%
Hạt tiêu	▼ 6,65 %

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Trung bình mỗi năm, Hàn Quốc chi hơn 33 tỷ USD để nhập khẩu các mặt hàng nông, thủy sản. Thời gian qua, với nhiều chương trình xúc tiến thương mại giữa hai quốc gia, nông thủy sản Việt Nam đã từng bước có mặt trên các gian hàng tại Hàn Quốc và thực tế cho thấy, ngày càng có nhiều nông thủy sản được ưa chuộng ở Hàn Quốc như tôm, cá tra, cá ngừ, mực, bạch tuộc... Cùng với đó, một số loại trái cây được xuất khẩu khá nhiều vào thị trường này như dưa, dứa, thanh long, xoài, chuối. Ngoài ra, thị trường Hàn Quốc cũng ưa chuộng các sản phẩm nông sản đã qua chế biến của nước ta.

Tuy nhiên, hiện nay thị phần nông thủy sản Việt Nam tại Hàn Quốc còn rất khiêm tốn. Có rất nhiều nguyên nhân được chỉ ra, trong đó, chủ yếu là do hàng Việt chưa đáp ứng được về chất lượng và quy trình bảo quản nông sản theo yêu cầu của Hàn Quốc. Hàn Quốc là thị trường khó tính với rất nhiều quy định chặt chẽ về điều kiện đối với nông sản nhập khẩu. Đối với mặt hàng nông sản đã qua chế biến khi vào thị trường Hàn Quốc phải qua các công đoạn kiểm dịch rất ngặt nghèo. Hơn nữa, việc nhập khẩu sản phẩm tươi khá nhạy cảm ở Hàn Quốc, vì quốc gia này chỉ chấp nhận sản phẩm bảo quản qua xử lý nhiệt chứ không chiếu xạ như một số thị trường khác.

Do đó, để tận dụng hiệu quả cơ hội từ các FTA đã có với Hàn Quốc nhằm mở rộng thị trường, nâng cao thị phần, thì hàng hóa nông thủy sản Việt không chỉ cần nâng cao chất lượng, mà còn phải đáp ứng tốt các tiêu chuẩn kỹ thuật, quy định đặc trưng của thị trường này.

Về cơ chế và quy trình đấu thầu đối với gạo nhập khẩu theo cơ chế hạn ngạch thuế quan (TRQ), Hàn Quốc cam kết trong vòng 10 năm, kể từ năm 2020, áp dụng mức thuế suất ưu đãi 5% cho khối lượng hạn ngạch 408.700 tấn gạo nhập khẩu mỗi năm. Trong đó, Trung Quốc là 157.195 tấn, Mỹ 132.304 tấn, Việt Nam 55.112 tấn, Thái Lan 28.494 tấn và Australia 15.595 tấn. Khối lượng 20.000 tấn còn lại thực hiện theo nguyên tắc tối huệ quốc (MFN). Tuy nhiên, Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn Hàn Quốc đã chính thức ra thông báo áp thuế đối với gạo nhập khẩu vượt hạn ngạch vào quốc gia này sau khi được WTO thông qua. Cụ thể, với lượng gạo nằm ngoài hạn ngạch 408.700 tấn sẽ bị áp thuế 513% trong khi với gạo nhập khẩu nằm trong hạn ngạch sẽ được hưởng mức thuế 5%. Quy định này đưa ra nhằm hạn chế khả năng tiếp cận thị trường của các nhà cung cấp nước ngoài.

Đối với mặt hàng thủy sản, bên cạnh Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, Hàn Quốc là một trong 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm

khoảng 60% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản của nước ta. Năm 2020, do ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Hàn Quốc giảm nhẹ. Theo thống kê, trong tháng 11/2020, xuất khẩu sang Hàn Quốc giảm nhẹ 2%, tính đến hết tháng 11 ước đạt 700 triệu USD, giảm gần 2%. Cả năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường này ước đạt 770 triệu USD, giảm 1,6%.

Hàn Quốc là một trong những đối tác hàng đầu của Việt Nam trong xuất khẩu NLTS. Năm 2020, Việt Nam xuất khẩu 2,01 tỷ USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng nhẹ 0,57% so với năm 2019. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 40,7%, thứ hai là thủy sản với 38,3%, rau quả chiếm 7,1% và cao su và các sản phẩm cao su chiếm 6,2%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, mặc dù gặp nhiều khó khăn do dịch Covid-19, chỉ có 5 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với năm 2019 là phân bón, cao su, thức ăn gia súc, sản và thủy sản.

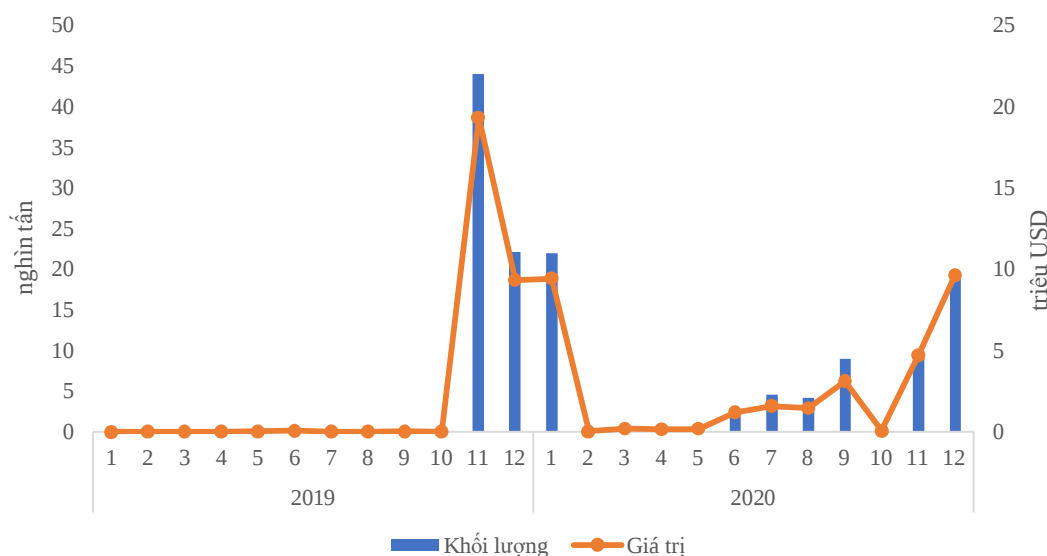
CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

1. LÚA GẠO

Theo dự báo cập nhật tháng 01/2021 của USDA, sản lượng gạo của Hàn Quốc trong năm 2021 được dự báo là sẽ đạt khoảng 3,51 triệu tấn, giảm 0,24 nghìn tấn so với năm trước. Về nhập khẩu, lượng gạo nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 450 nghìn tấn, tương đương so với năm ngoái.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, trong tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu được 18,7 nghìn tấn gạo, trị giá 9,7 triệu USD sang Hàn Quốc tăng 103,6% về khối lượng và 103,5% về giá trị so với tháng 11/2020, nhưng giảm 15,4% về khối lượng trong khi tăng 3,4% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này trong năm 2020 đạt 71,7 nghìn tấn, trị giá 32,0 triệu USD, tăng 7,4% về khối lượng và 10,6% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc

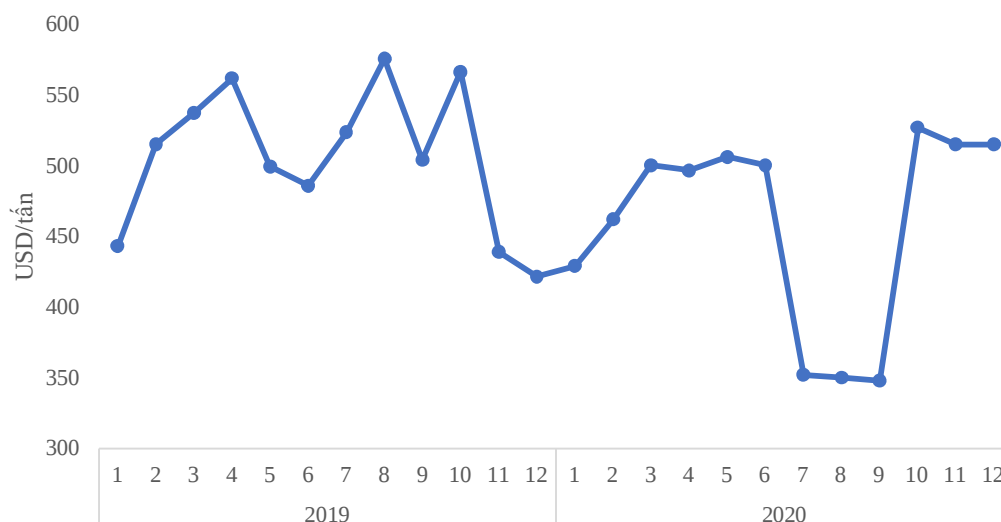


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2020, gạo trắng tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 18,7 nghìn tấn, trị giá 9,6 triệu USD (chiếm 94,5% về khối lượng và 94,4% về giá trị); so với tháng 12/2020, xuất khẩu gạo trắng sang Hàn Quốc đã giảm 15,4% về khối lượng nhưng tăng 3,4% về giá trị.

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2020 đạt 515,1 USD/tấn, giảm 0,01% so với tháng 11/2020 nhưng tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2019.

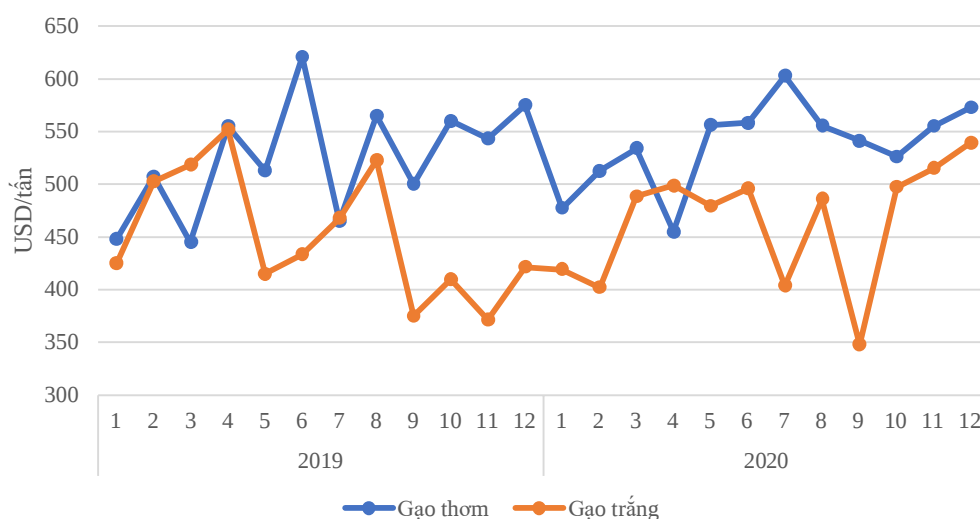
Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá các loại gạo chính xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc đều có xu hướng tăng trong tháng. Giá xuất khẩu gạo trắng tháng 12/2020 đạt trung bình 539,5 USD/tấn, tăng 4,7% so với tháng 11/2020 và 28,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá gạo thơm đạt 573,0 USD/tấn, tăng 3,2% so với tháng 11/2020 nhưng giảm nhẹ 0,4% so với cùng kỳ năm ngoái.

Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 12/2020, top 3 công ty xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc là Tổng Công ty Lương thực miền Bắc, Công ty TNHH Thành Phát, và Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh. Ba công ty này chiếm tỷ trọng lần lượt là 99,5%, 0,3% và 0,2% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 12/2020. So với cùng kỳ năm 2019, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc và Công ty TNHH Thành Phát không xuất khẩu trong tháng 12/2019 nhưng có xuất khẩu trong tháng 12/2020; còn Công Ty Cổ Phần Lương Thực Bình Minh tăng 32,4%.

2. RAU QUẢ

Đại sứ quán Hàn Quốc tại Việt Nam thông báo về việc Hàn Quốc tiếp tục áp dụng phương thức kiểm tra chặt về tiêu chí thời nhiễm kim loại đối với sản phẩm dạng bột chứa thành phần trái nhàu từ Việt Nam nhập khẩu vào Hàn Quốc trong năm 2021 với sản phẩm dạng bột có thành phần trái nhàu từ 50% trở lên trong thời gian từ 24/12/2020 đến 23/12/2021. Hồ sơ khai báo nhập khẩu sản phẩm vào Hàn Quốc phải có phiếu kiểm nghiệm từ một trong các đơn vị kiểm nghiệm được chỉ định bởi Bộ An toàn thực phẩm và Dược phẩm Hàn Quốc (MFDS). Việt Nam và Indonesia bị tiếp tục áp dụng phương thức kiểm tra chặt chẽ đối với sản phẩm này do vi phạm liên tiếp về tiêu chuẩn trong quá trình áp dụng kiểm tra chặt trước đó.

Theo Hiệp hội Thương mại quốc tế Hàn Quốc, quốc gia này chủ yếu nhập khẩu bắp cải, xà lách, củ cải, ớt, tỏi, ớt chuông, ... và nhập khẩu rất nhiều trái cây, bình quân mỗi người tiêu dùng khoảng 60kg/năm. Đây là cơ hội để cho các thị trường xuất khẩu đẩy mạnh mặt hàng rau quả vào thị trường Hàn Quốc, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên để đẩy mạnh xuất khẩu hàng rau quả sang thị trường Hàn Quốc, các doanh nghiệp xuất khẩu cần chú ý người tiêu dùng Hàn Quốc đặt tính an toàn của nông sản, thực phẩm lên hàng đầu, sau đó mới tới chất lượng, mùi vị, hình thức bên ngoài và giá cả. Hàn Quốc được xem là thị trường “khó tính” nhất châu Á về điều kiện đối với hàng nông sản nhập khẩu.

Các loại rau quả tươi nhập khẩu phải có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan chức năng của Hàn Quốc ban hành. Đối với các loại rau quả chế biến, nhà máy cung cấp cần phải đạt được giấy chứng nhận xuất khẩu do phía Hàn Quốc cấp sau khi họ đã kiểm tra dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị chế biến, kho lưu giữ bảo quản sản phẩm.

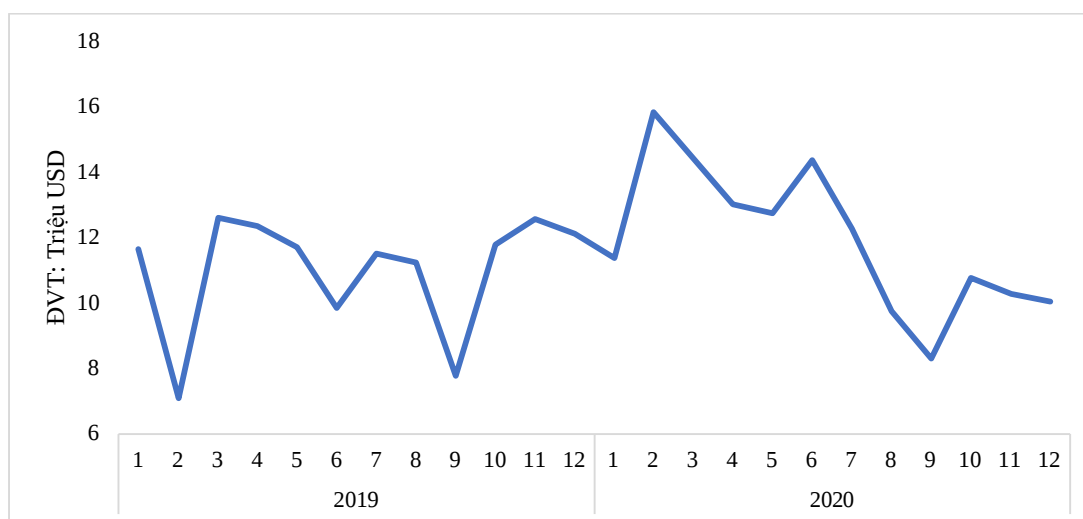
Từ khi Hiệp định tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA) chính thức có hiệu lực (năm 2015), cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu những mặt hàng nông sản có thể mạnh

của Việt Nam sang thị trường này còn hạn chế. Đến nay, Hàn Quốc mới mở cửa thị trường cho hai loại trái cây của Việt Nam là thanh long ruột trắng và xoài.

Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) giữa ASEAN và 6 đối tác đã có FTA với ASEAN là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Australia và New Zealand bắt đầu đàm phán từ ngày 9/5/2013. Tháng 11/2019, các nước thành viên đã cơ bản hoàn tất đàm phán văn kiện RCEP (trừ Ấn Độ - đã tuyên bố rút khỏi Hiệp định này). Ngày 15/11/2020, 15 nước thành viên RCEP (trừ Ấn Độ) đã ký kết RCEP. Hiệp định này sẽ chính thức có hiệu lực trong vòng 60 ngày kể từ ngày được thông qua bởi ít nhất 6 nước thành viên ASEAN và 3 nước thành viên không thuộc ASEAN. Hiệp định RCEP có hiệu lực sẽ mang lại cơ hội nhưng cũng là thách thức lớn nhất với doanh nghiệp xuất khẩu nông sản sang Hàn Quốc.

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2020 đạt 10 triệu USD, chiếm 3,7% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 2,2% so với tháng trước (đạt 10,3 triệu USD) và giảm 17,1% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 12,1 triệu USD). Tính chung năm 2020, giá trị xuất khẩu rau quả sang Hàn Quốc đạt 143 triệu USD, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 131,8 triệu USD).

Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc

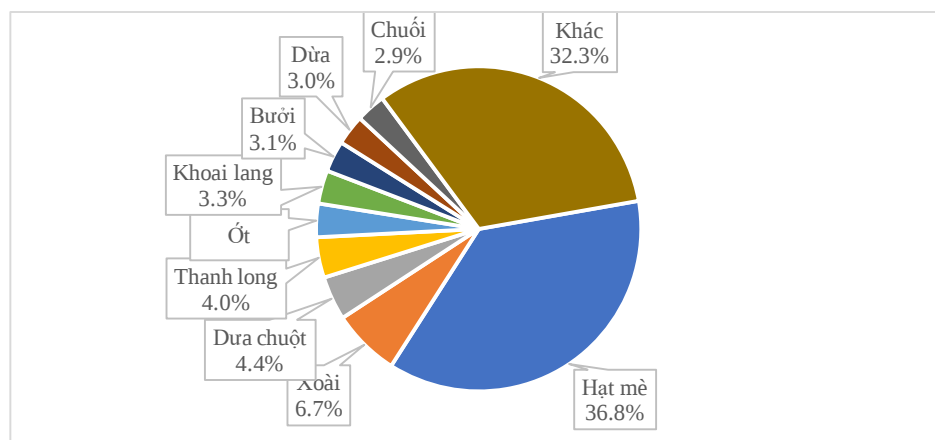


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12 năm 2020, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 2,7 triệu USD (chiếm 26,9% thị phần, giảm 36% so với cùng kỳ năm 2019) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 7,3 triệu USD (chiếm 73,1% thị phần, giảm 7%), trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 5,7 triệu USD (tăng 15,3% so với cùng kỳ năm trước); (ii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 822,4 nghìn USD (giảm 57%); (iii) rau chế biến (không đông lạnh, mã HS: 2005) đạt 178 nghìn USD (tăng 1,4%); ...

Trong tháng 12 năm 2020, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm hạt mè đạt 3,7 triệu USD (chiếm 36,8% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 0,9% so với cùng kỳ năm 2019); xoài đạt 673,1 nghìn USD (chiếm 6,7%, giảm 35,9%); dưa chuột đạt 441,3 nghìn USD (chiếm 4,4%, giảm 24,8%); thanh long đạt 403,4 nghìn USD (chiếm 4%, tăng 30,8%); ớt đạt 339 nghìn USD (chiếm 3,4%, giảm 79,7%),...

Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

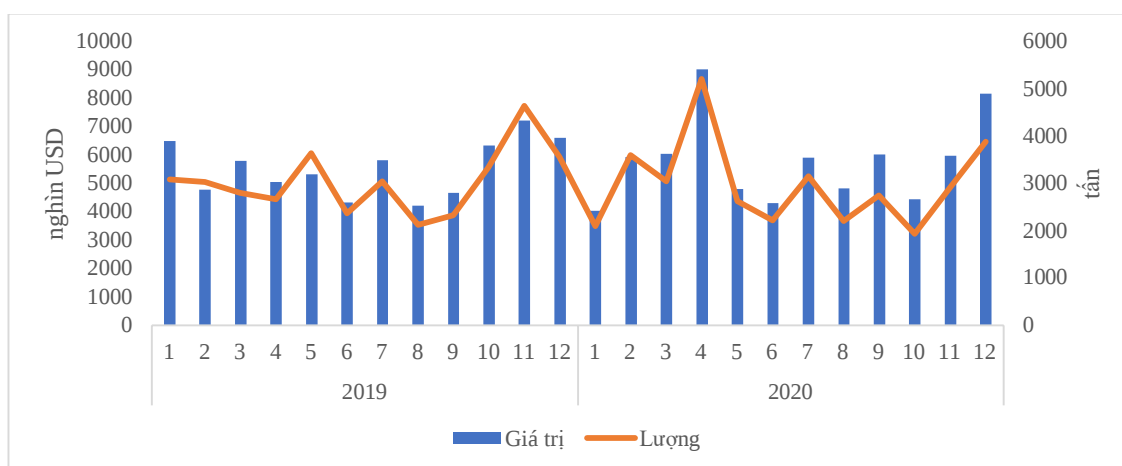
Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2020 đạt 7,8 triệu USD, chiếm 5,3% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 11,2% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 7 triệu USD). Tính chung năm 2020, giá trị nhập khẩu rau quả từ Hàn Quốc đạt 44,7 triệu USD, tăng 16% so với cùng kỳ năm 2019 (đạt 38,5 triệu USD). Trong tháng 12/2020, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là dâu tây đạt 1,4 triệu USD (chiếm 17,8%, tăng 15% so với cùng kỳ năm 2019); nho đạt 1,1 triệu USD (chiếm 14%, tăng 67,5%); lê đạt 1 triệu USD (chiếm 13,1%, giảm 23,7%); rong biển đạt 875,9 nghìn USD (chiếm 11,2%, giảm 1,6%); hồng đạt 643,1 nghìn USD (chiếm 8,2%, tăng 247,1%); ...

Trong tháng 12/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty TNHH Y.K. Vina, Công ty TNHH Thực phẩm Quốc tế Giavico và Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam với thị phần xuất khẩu lần lượt là 35,1%; 6,6% và 5,1%. So sánh với cùng kỳ năm ngoái, kim ngạch xuất khẩu của Công ty TNHH Y.K. Vina tăng 42,2%, Công ty TNHH Thực phẩm Quốc tế Giavico giảm 31,7%. Trong khi đó, Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Olam Việt Nam không xuất khẩu trong tháng 12/2019, nhưng đã đẩy mạnh xuất khẩu được trong tháng 12/2020.

3. CÀ PHÊ

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tăng trở lại gần bằng mức cao kỷ lục vào tháng 4/2020 sau 8 tháng giảm liên tiếp. Tính riêng tháng 12/2020, Việt Nam xuất khẩu 3,8 nghìn tấn cà phê, giá trị 8,1 triệu USD. So với tháng 11/2020, xuất khẩu đã tăng 34% về khối lượng và tăng 37% về giá trị, đồng thời tăng 9,4% về khối lượng và tăng 23,97% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính chung năm 2020, xuất khẩu cà phê sang thị trường này đạt 35,5 nghìn tấn và đạt 69,4 triệu USD, giảm 2,8% về khối lượng nhưng tăng 4,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

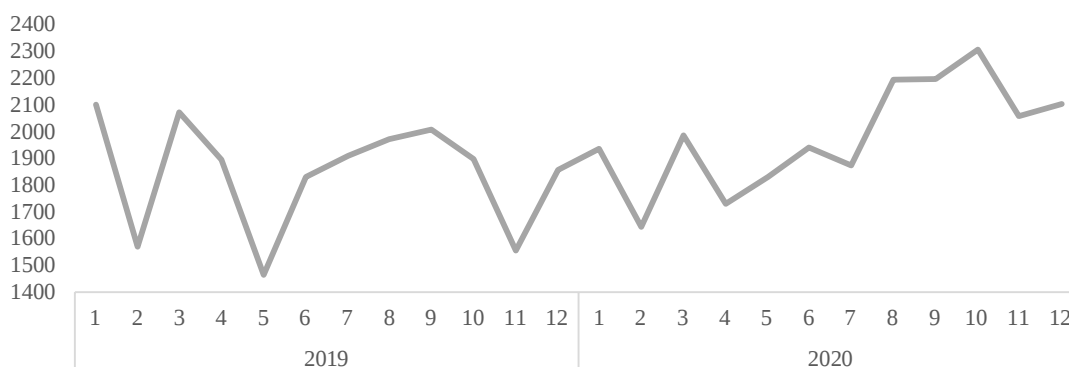
Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 12/2020, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc là 1.952 USD/tấn, giảm 7,2% so với tháng 11/2020 và tăng 13,3% so với tháng 12/2019. Tính chung năm 2020, giá cà phê xuất khẩu tại Hàn Quốc tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2019, mức giá bình quân đạt 1.984 USD/tấn.

Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc

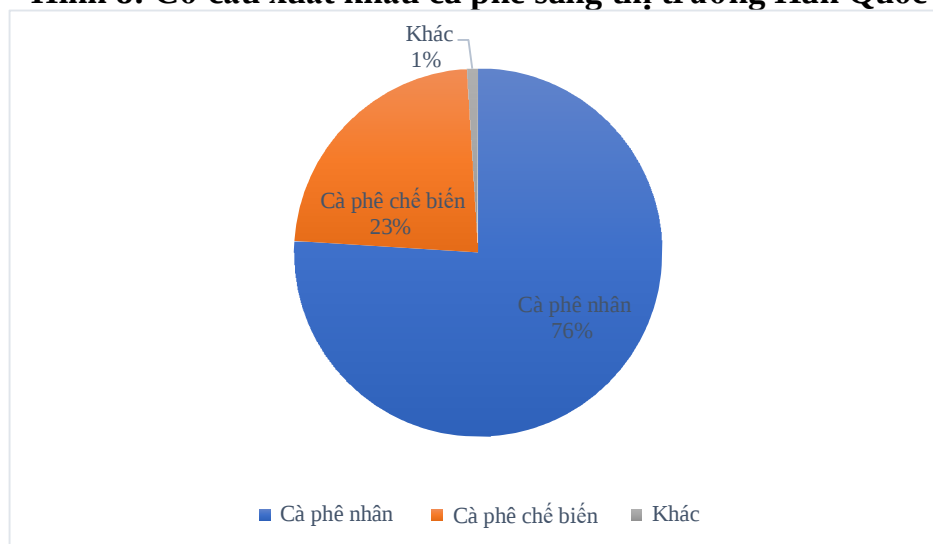


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu sản phẩm, cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) xuất khẩu trong tháng 12/2020 đạt 4,9 triệu USD chiếm 61% tổng giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam vào Hàn Quốc, Cà phê đã rang, chưa khử cafein đạt 621 nghìn USD, chiếm 8%, cà phê hòa tan, chiết xuất cô đặc (2101) đạt 2.5 triệu USD chiếm 30% tổng xuất khẩu.

Tính chung năm 2020, giá trị xuất khẩu cà phê nhân thô chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090111) đạt 47 triệu USD, chiếm tỷ trọng 67% trong tổng xuất khẩu cà phê thị trường này, tăng 0,5% so với năm 2019. Cà phê chưa rang, chưa khử caffein (mã HS 090112) đạt 1,2 triệu USD, chiếm 1,8%, tăng 87% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019; cà phê rang, chưa khử caffein (mã HS 090121) đạt 4,3 triệu USD, chiếm tỷ trọng 6,27%, tăng 237% so với năm trước, cà phê đã rang, đã khử caffein (mã HS 090122) xuất khẩu đạt 420 nghìn USD, chiếm 0,61%, giảm 79% so với cùng kỳ năm 2019. Sản phẩm cà phê chế biến sâu tiếp tục tăng trưởng khi liên tiếp gia tăng khối lượng và kim ngạch xuất khẩu trong thời gian gần đây. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 16,3 triệu USD. So với cùng kỳ, cà phê hòa tan và tinh chất đã tăng 3,3% về giá trị so với năm 2019.

Hình 8: Cơ cấu xuất khẩu cà phê sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

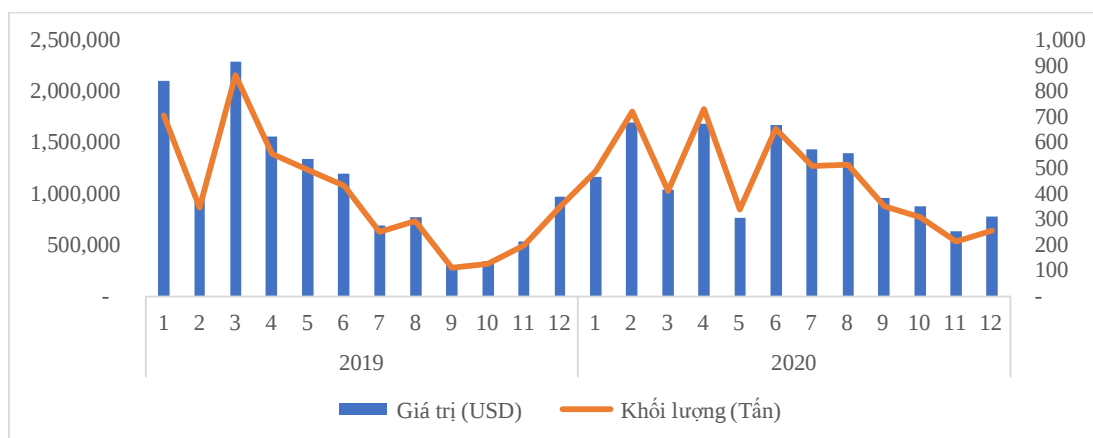
Trong tháng 12/2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là: Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn, Công ty TNHH MTV XNK 2-9 Đắc Lắc, Công ty TNHH SUCAFINA Việt Nam với thị phần lần lượt là: 27%, 17% và 11%.

4. HỒ TIÊU

Khối lượng và giá trị nhập khẩu hồ tiêu của Hàn Quốc tháng 12/2020 tăng nhẹ so với tháng 11, đạt 859,7 tấn về khối lượng (tăng 2,4%) và 2,74 triệu USD về giá trị (tăng 3,12%). Trong số các nước xuất khẩu chính vào thị trường Hàn Quốc, Việt Nam vẫn đứng vị trí thứ nhất, chiếm 30,01% tổng khối lượng nhập khẩu vào thị trường này trong tháng 12 này.

Xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 12, đạt 258 tấn, với 781 nghìn USD, tăng 21,7% về lượng và 22,2% về giá trị so với tháng 11 năm 2020, giảm 26,07% về lượng và giảm 19,91% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

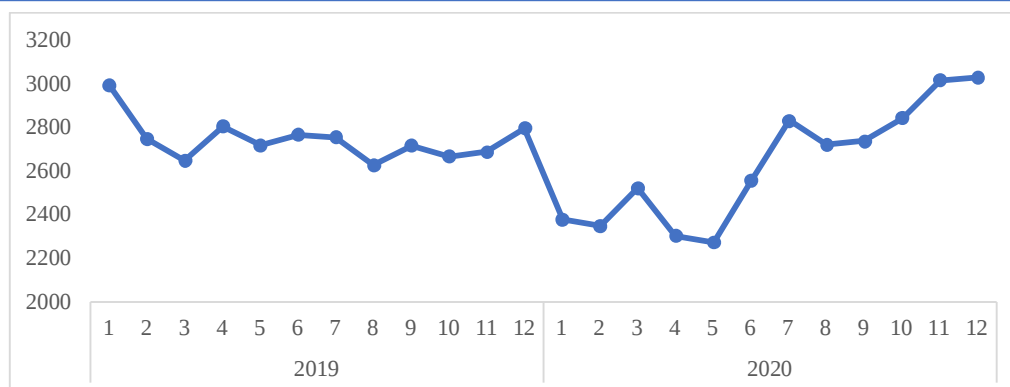
Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc năm 2020 đạt 5.504 tấn và đạt 14,13 triệu USD, tăng 16,41% về lượng và 8,21% về giá trị so với năm 2019. Giá xuất khẩu hồ tiêu sang Hàn Quốc bình quân trong tháng 12/2020 tăng nhẹ, đạt mức 3.029 USD/tấn, tăng 0,41% so với tháng 11/2020 và tăng 8,34% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, cũng do áp lực từ giá thế giới giảm sâu những tháng trước đây do yếu tố dư cung kéo dài cũng như cạnh tranh mạnh từ các nguồn cung của Trung Quốc nên giá xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam bình quân cả năm 2020 vào Hàn Quốc chỉ đạt 2.629 USD/tấn, giảm 4,15% so với năm 2019.

Hình 10: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)

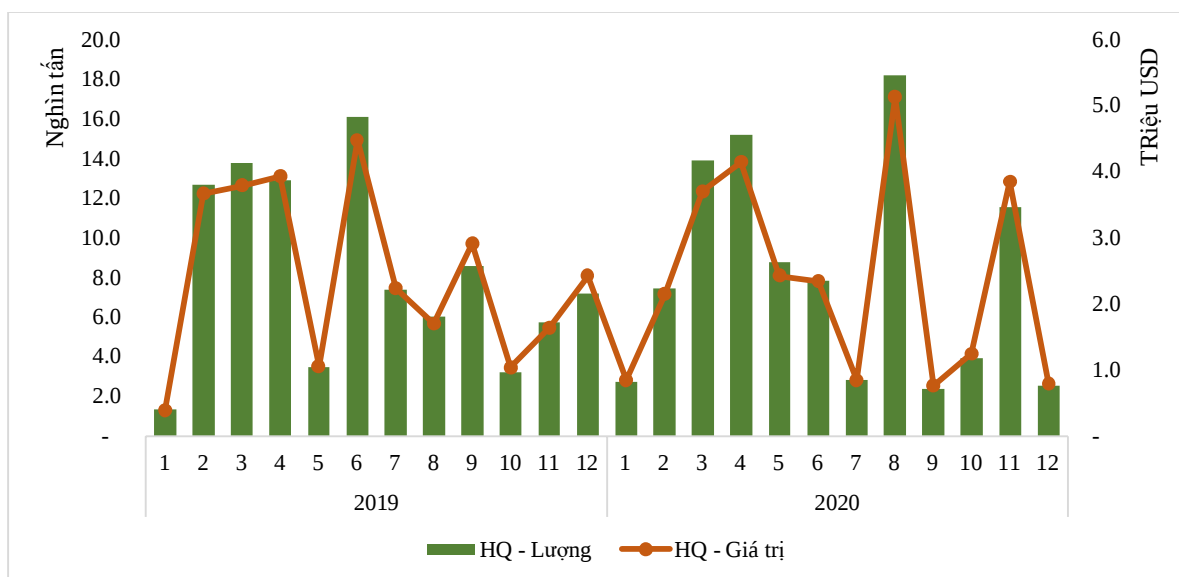


Nguồn: Tổng cục hải quan Việt Nam

5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Trong năm 2020, Việt Nam đã xuất khẩu được 97,5 nghìn tấn sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc, chiếm 3,5% tổng khối lượng xuất khẩu sản, giảm 1% so với năm 2019. Giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2020 đạt 788,3 nghìn USD, chiếm 0,56% tổng giá trị xuất khẩu sản trong tháng 12 của Việt Nam, giảm 79,5% so với tháng trước và giảm 67,5 % so với cùng kỳ năm 2019. Tính cả năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 28,26 triệu USD, giảm 3,5% so với năm 2019.

Hình 11: Giá trị xuất khẩu sản sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

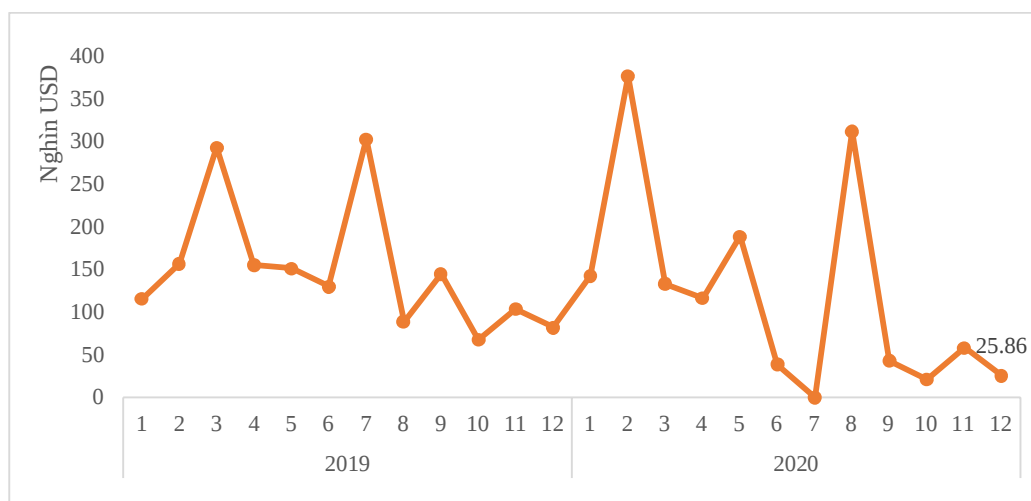
6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Từ tháng 12/2020, cùng với diễn biến ngày càng phức tạp của dịch Covid, Hàn Quốc cũng đồng thời phải đối mặt với dịch cúm gia cầm độc lực cao đang lây lan với tốc độ rất nhanh tại nước này. Tính đến ngày 14/12/2020, nước này đã có tới 13 trang trại trên toàn quốc được xác nhận phát sinh dịch cúm gia cầm độc lực cao, trong đó có 6 trang trại thuộc tỉnh Nam Jeolla. Ngày 18/1/2021, Bộ Nông nghiệp, Lương thực và Các vấn đề nông thôn Hàn Quốc (MAFRA) thông báo đã hoàn tất việc tiêu hủy hơn 18,8 triệu con gia cầm nhằm ngăn chặn nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh tại các trang trại trong nước. Theo số liệu thống kê mới nhất, Hàn Quốc đã xác nhận tổng số 66 trường hợp gia cầm nhiễm dịch cúm H5N8 kể từ cuối tháng 11/2020, với trường hợp mới nhất được phát hiện ngày 17/1 tại một trang trại vịt ở Gimje, cách Seoul khoảng 260 km về phía Tây Nam, và 1 trường hợp ở một trang trại nuôi 400.000 con gà ở Eumseong, thuộc tỉnh Chungcheong Bắc. Giới chức Hàn Quốc đã yêu cầu tiêu hủy toàn bộ đàn gia cầm nuôi thả trong bán kính 3 km từ trang trại phát hiện trường hợp nhiễm dịch.

Việc buộc phải tiêu hủy hàng triệu con gia cầm khiến giá trứng và các sản phẩm từ gà trên thị trường Hàn Quốc tăng mạnh. Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp Hàn Quốc, giá trứng tươi trong tuần qua tăng 25,9% so với cùng kỳ năm trước, trong khi giá thịt gà cũng tăng 10,6%.

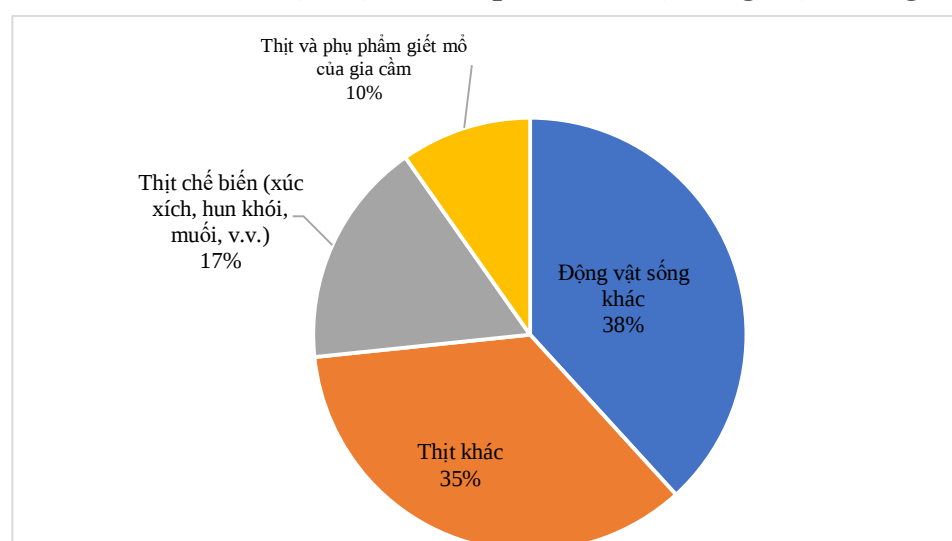
Về sản xuất, theo số liệu của USDA, tính đến tháng 1/2021, sản lượng thịt lợn của Hàn Quốc ước đạt khoảng 1.340 nghìn tấn, trong khi đó, tổng lượng tiêu thụ trong nước ước đạt 1.980 nghìn tấn. Trong đó, khối lượng thịt lợn nhập khẩu của Hàn Quốc ước đạt 930 nghìn tấn, chiếm 47% so với lượng tiêu thụ của thị trường này.

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2020 đạt 25 nghìn USD, chiếm 0,2% tổng giá trị xuất khẩu thịt trong tháng 12 của Việt Nam, giảm 55,6% so với tháng trước và giảm 68,5% so với cùng kỳ năm 2019 (10,57 triệu USD). Tính cả năm 2020, tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 1,46 triệu USD, giảm 18,7% so với năm 2019 (đạt 1,79 triệu USD).

Hình 12: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong năm 2020, sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam xuất sang Hàn Quốc gồm động các loại động vật sống (khỉ đuôi dài, mèo) có giá trị 557,4 nghìn USD (chiếm 38,2%); ếch và đùi ếch đông lạnh đạt 511 nghìn USD (chiếm 35%); các sản phẩm chế biến sẵn từ thịt (giò, chả, khô bò, khô gà,...) chiếm 16,92%, tương đương 246,7 nghìn USD; và chân gà đông lạnh đạt 142 nghìn USD (chiếm 9,75%). Mới có 12 doanh nghiệp chính thức được ghi nhận có hoạt động xuất khẩu trong tháng này, trong đó 3 doanh nghiệp có giá trị xuất khẩu cao nhất là Công ty liên doanh nuôi và phát triển khỉ Việt Nam (38,2%); công ty Cổ phần Kinh doanh thủy hải sản Sài Gòn (31,2%) và công ty Cổ phần dịch Vụ hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (16,4%).

Hình 13: Cơ cấu các loại thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

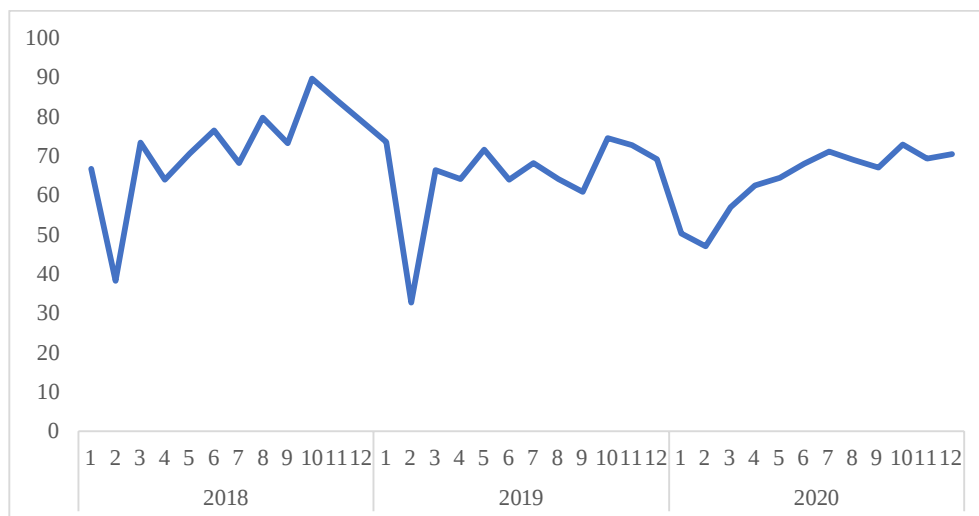
Bên cạnh xuất khẩu, trong năm 2020, Việt Nam cũng nhập khẩu sản phẩm thịt từ Hàn Quốc chủ yếu là các sản phẩm gia cầm giết mổ, chiếm 99,9%. Tổng giá trị nhập khẩu đạt 52,75 triệu USD, tăng 23,5% so với năm 2019.

7. THỦY SẢN

Theo Undercurrentnews, người tiêu dùng ở Hàn Quốc lo ngại rằng hải sản nhập khẩu có thể bị nhiễm virus COVID-19 đã khiến nhập khẩu hải sản của Hàn Quốc giảm mạnh, giảm khoảng 13% trong năm 2020. Theo các nhà nhập khẩu của Hàn Quốc nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này bên cạnh nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm thì nguyên nhân không kém phần quan trọng khác đó là quy trình nhập khẩu trong giai đoạn này bị siết chặt và tốn nhiều thời gian thủ tục hơn.

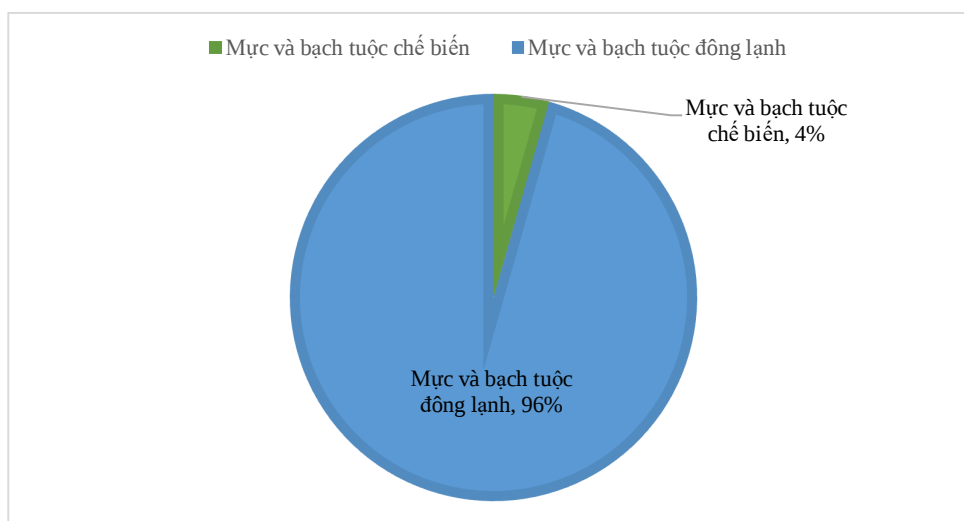
Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO) dự báo tiêu thụ thủy sản toàn cầu sẽ đạt mức 21,5 kg/người vào năm 2030. Theo báo cáo “Thực trạng khai thác và Nuôi trồng thủy sản thế giới 2020 - SOFIA 2020”, năm 2017 thủy sản chiếm 17% lượng tiêu thụ protein động vật của thế giới và 7% tổng lượng tiêu thụ protein. FAO dự báo, đến năm 2030 tiêu thụ thủy sản thế giới sẽ tăng 18% (28 triệu tấn) so với năm 2018. Trong đó khoảng 71% lượng thủy sản làm thực phẩm trong năm 2030 (khoảng 183 triệu tấn) sẽ được tiêu thụ ở Châu Á, trong khi Châu Đại Dương và Châu Mỹ Latinh tiêu thụ ít hơn. Tổng lượng tiêu thụ thủy sản làm thức ăn dự kiến sẽ tăng ở tất cả các khu vực và tiểu vùng trong năm 2030 so với năm 2018, với tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ cao hơn: Châu Mỹ Latinh tăng 33%, Châu Phi tăng 27%,

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, năm 2020, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 769,39 triệu USD giảm 10,71% so với cùng kỳ năm 2019, chiếm 9,15% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này đạt 70,39 triệu USD, tăng 1,60% so với cùng kỳ năm 2019, tăng 1,54% so với tháng 11/2020. Tôm; Mực và bạch tuộc là 2 mặt hàng xuất khẩu chính sang thị trường này: tôm chiếm 37,44%; Mực và bạch tuộc chiếm 30,23%.

Hình 14: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Đối với mặt hàng tôm, giá trị xuất khẩu tôm tháng 12 năm 2020 đạt 26,35 triệu USD, giảm 2,95% so với cùng kỳ năm 2019 đưa giá trị xuất khẩu tôm năm 2020 sang thị trường này đạt 332,74 triệu USD, tăng 2,85%. Giá trị xuất khẩu tôm có xu hướng giảm nhẹ tại thị trường này. Cụ thể, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng tháng 12/2020 đạt 22,55 triệu USD, chiếm 85,59% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc, giảm 3,44% so với cùng kỳ năm 2019; giá trị xuất khẩu tôm loại khác đạt 2,26 triệu USD, chiếm 8,57%, giảm 12,64%; giá trị xuất khẩu tôm sú đạt 1,54 triệu USD, chiếm 5,84%, tăng 44,14% so với năm 2019.

Hình 15: Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang thị trường Hàn Quốc tháng 12/2020

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 12 năm 2020 đạt 21,28 triệu USD, tăng 34,12% so với cùng kỳ năm 2019, đưa tổng kim ngạch xuất khẩu Mực và bạch tuộc sang thị trường này năm 2020 đạt 212,99 triệu USD, tăng 5,27% so với cùng kỳ năm trước. Tính riêng tháng 12/2020, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc đông lạnh sang thị trường Hàn Quốc đạt 20,34 triệu USD, tăng 35,52% so với cùng kỳ năm 2019; Mực và bạch tuộc chế biến đạt 0,94 triệu USD, tăng 9,56%.

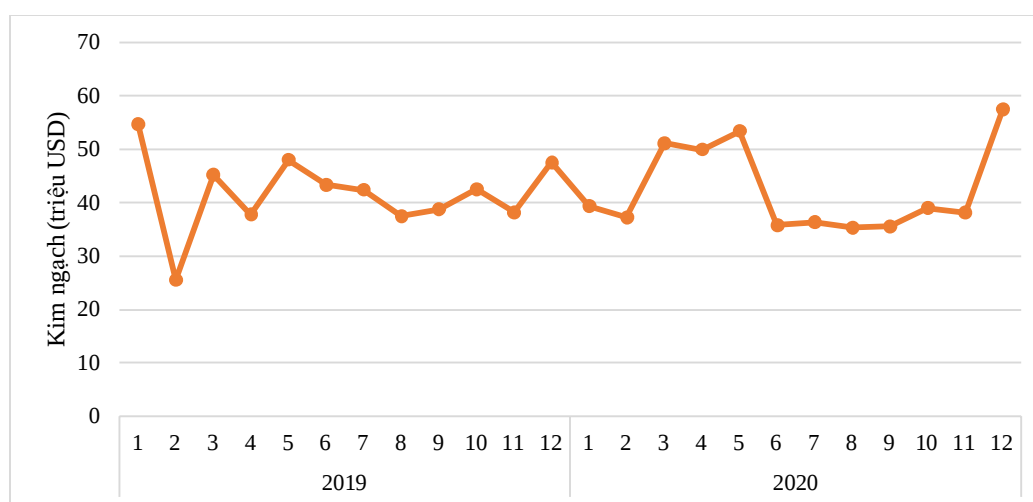
Tháng 12/2020, một số mặt hàng thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc như sau cá tra đạt 0,37 triệu USD, giảm 26,46% so với cùng kỳ năm 2019; Cua-ghe đạt 0,19 triệu USD, giảm 58,56%; Các loại thủy sản khác đạt 22,05 triệu USD, giảm 2,95%; cá ngừ đạt 0,15 triệu USD, tăng 2,42 lần

Tháng 12 năm 2020, Top 3 công ty xuất khẩu nhiều sang thị trường Hàn Quốc là Công ty cổ phần chén biển và dịch vụ thủy sản Cà Mau đạt 4,47 triệu USD, chiếm 6,33% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang thị trường này; Công ty thủy sản Minh Phú – Hậu Giang đạt 2,80 triệu USD chiếm 3,97%; Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hợp Tấn đạt 2,79 triệu USD chiếm 3,95%.

8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ GỖ

Theo số liệu công bố của Tổng cục Hải quan, tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 90,7 triệu USD, tăng 24,9% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 818,3 triệu USD, tăng 3,2% so với năm 2019.

Hình 16: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) sang thị trường Hàn Quốc

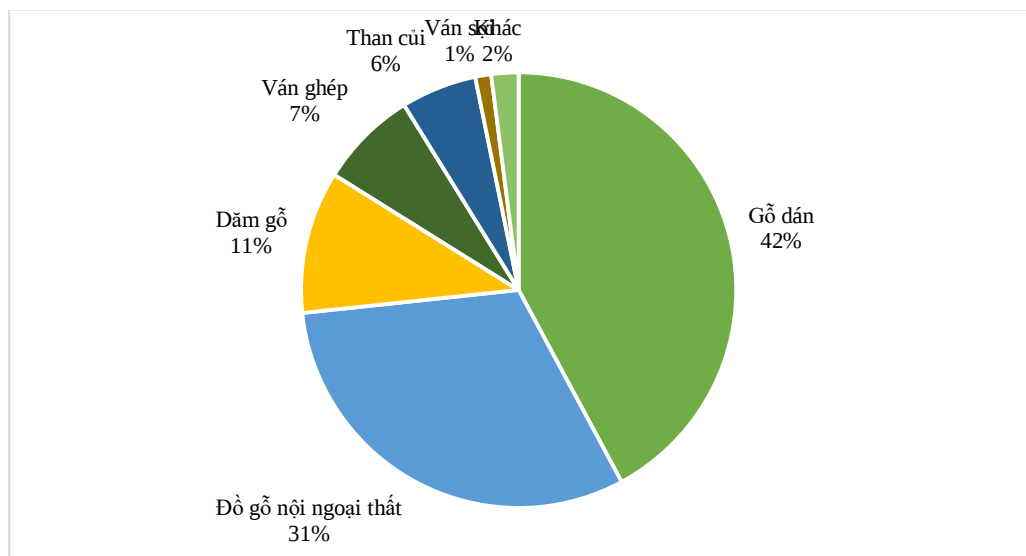


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 và 9403, tháng 12/2020, kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 57,5 triệu USD, tăng 50,8% so với tháng trước, và tăng 20,9% so với cùng kỳ 2019. Lũy kế xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường này năm 2020 ước đạt 508,8 triệu USD, tăng 1,4% so với năm 2019.

Năm 2020, gỗ dán là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 214,4 triệu USD, chiếm 42,1% tổng giá trị xuất khẩu và giảm 2,9% so với năm 2019. Đứng thứ hai là đồ gỗ nội ngoại thất với kim ngạch 158,7 triệu USD, chiếm 31,2% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 12,7% so với năm 2019. Tiếp theo là dăm gỗ và ván ghép, chiếm lần lượt 10,6% và 7,3% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

Hình 17: Chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44 và 9403) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Theo Hiệp hội Thương mại Quốc tế Hàn Quốc, nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2020 đạt 366.540 tấn, trị giá 1,10 tỷ USD, tăng gần 12% về lượng và gần 7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc và Việt Nam là hai thị trường cung cấp chính đồ nội thất bằng gỗ tới Hàn Quốc trong 11 tháng năm 2020, với lượng nhập khẩu từ hai thị trường này chiếm tới 89,3% tổng lượng nhập khẩu.

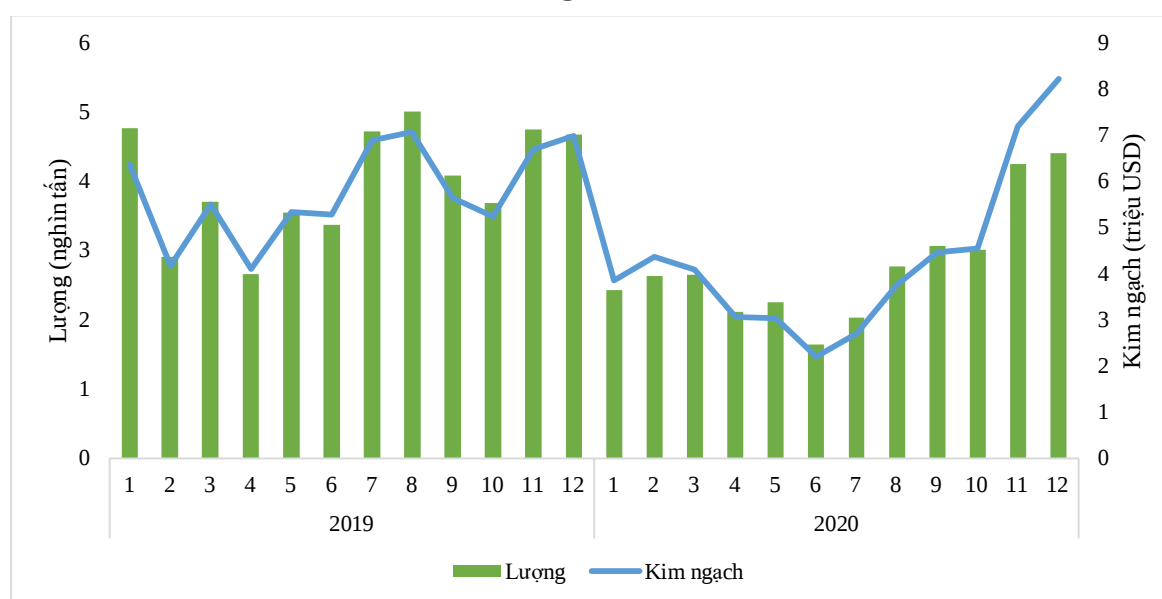
Trong đó, nhập khẩu từ Trung Quốc đạt 250.300 tấn, trị giá 665,5 triệu USD, tăng hơn 16% về lượng và tăng 11,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2019. Nhập khẩu từ thị trường Việt Nam đạt 76.900 tấn, trị giá 203,02 triệu USD, tăng 7,4% về lượng

và tăng hơn 5% về trị giá, tỷ trọng nhập khẩu giảm 0,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2019.

9. CAO SU

Theo Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 12/2020, xuất khẩu cao su của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 4,3 nghìn tấn với trị giá 8,0 triệu USD, giảm 4,0% về khối lượng nhưng tăng 19,6% về giá trị so với cùng kỳ 2019. Lũy kế cao su xuất khẩu sang thị trường này năm 2020 ước đạt 32,2 triệu tấn, trị giá 50,1 triệu USD, giảm 30,4% về khối lượng và 24,9% về giá trị so với cùng kỳ 2019.

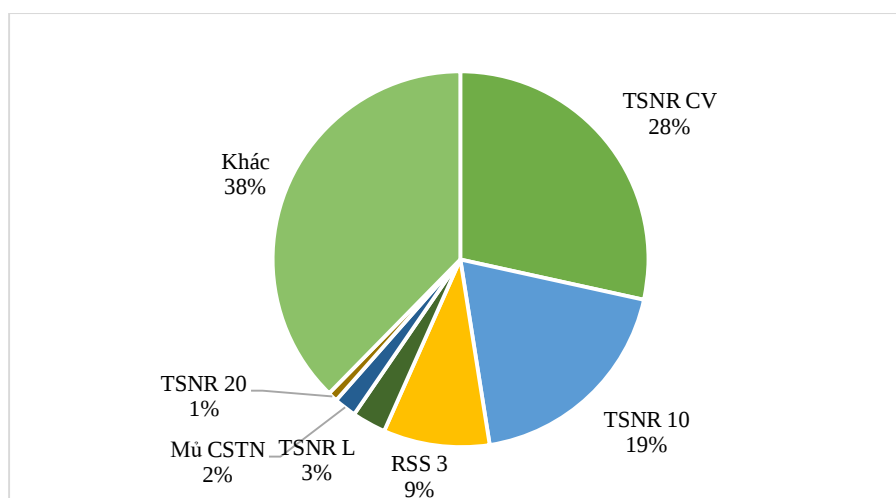
Hình 18: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên (mã HS 4001) sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Năm 2020, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 14,7 triệu USD, chiếm 28,5% tổng giá trị xuất khẩu và tăng 32,5% so với năm 2019. Đứng thứ hai là TSNR 10 với kim ngạch 9,8 triệu USD, chiếm 19,1% tổng giá trị xuất khẩu và giảm 7,8% so với năm 2019. Tiếp theo là RSS 3 và TSNR L, chiếm lần lượt 9,1% và 2,9% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

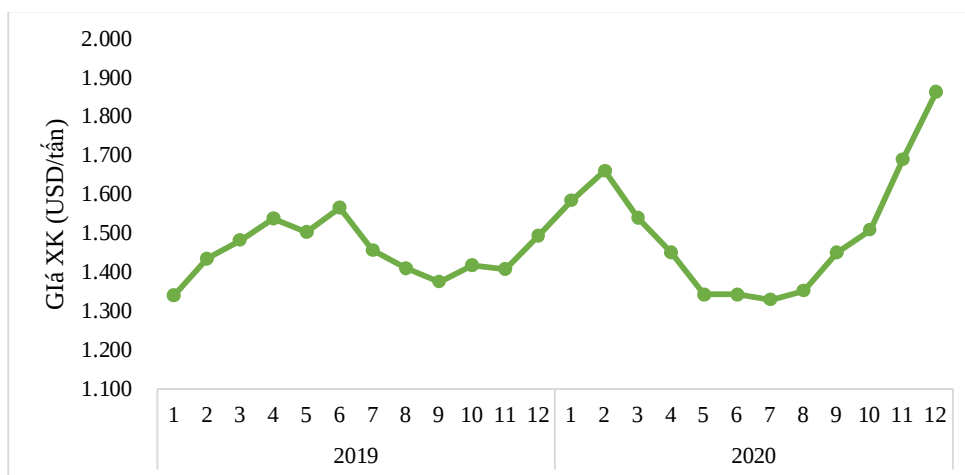
Hình 19: Chứng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch năm 2020



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng mạnh vào thời điểm cuối năm đạt mức 1.864 USD/tấn trong tháng 12/2020 tăng 10,2% so với tháng trước và 24,7% so với cùng kỳ năm 2019.

Hình 20: Giá cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc



Nguồn: Tổng cục Hải quan

NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

1. Gạo

Do thời tiết mưa kéo dài và ảnh hưởng của bão, khiến cho cây trong năm 2020 tại Hàn Quốc sinh trưởng kém và đạt mức sản lượng thấp hơn năm 2019 là 3,2%. Điều này đưa ra quan ngại trong năm 2021 với dự báo mức sản lượng thấp hơn cả năm 2020, Hàn Quốc sẽ thiếu hụt nhẹ nguồn cung. Do đó, sẽ cần nhập khẩu nhiều hơn nữa gạo từ các quốc gia khác, trong đó có Việt Nam.

2. Rau quả

Do người tiêu dùng Hàn Quốc rất coi trọng chất lượng sản phẩm, các doanh nghiệp Việt Nam cần hướng đến cách làm bài bản, chuyên nghiệp, xây dựng thương hiệu đủ mạnh để người tiêu dùng Hàn Quốc tin tưởng sử dụng.

3. Cà phê

Người Hàn Quốc tiêu thụ trung bình 350 tách cà phê mỗi năm, không thua xa so với Hoa Kỳ. Theo USDA, tiêu thụ cà phê tại Hàn Quốc ngày càng phổ biến và tăng nhanh. Cơ cấu cà phê nhân rang chiếm 30%, cà phê nhân xanh khoảng 58% và cà phê khác là 13%. Nhập khẩu cà phê nhân, bao gồm cả hạt xanh và hạt rang, đang tăng lên trung bình 5% một năm kể từ năm 2015. Nhập khẩu cà phê nhân tăng trưởng ở mức 17% năm trong đó nhập khẩu cà phê rang có tốc độ tăng là 17%, cà phê nhân xanh là 4%. Sự tăng trưởng chủ yếu là do số lượng quán cà phê tăng đột biến, Hàn Quốc có 16.000 quán cà phê vào năm 2018, tăng đáng kể so với 2.000 quán năm 2007. Tuy nhiên, dự kiến sẽ chậm lại do sự cạnh tranh giữa các chuỗi cà phê lớn do khó khăn và chi phí hoạt động tăng đột biến do mức tăng lương tối thiểu gần đây cũng như ảnh hưởng của dịch bệnh. Thay vì mở rộng số lượng các cửa hàng, công ty đang cố gắng khác biệt hóa chiến lược của họ bằng cách mở các quán cà phê cao cấp hoặc các quán cà phê theo chủ đề đặc biệt. Tăng trưởng cà phê nhập khẩu sẽ chậm lại trong một thời gian do thị trường bão hòa nhưng cà phê đặc sản vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng.

4. Hồ tiêu

Việt Nam hiện vẫn là quốc gia xuất khẩu hồ tiêu lớn nhất vào thị trường Hàn Quốc, chiếm lĩnh xấp xỉ 42% tổng giá trị nhập khẩu. Đứng thứ hai là Trung Quốc, chiếm xấp xỉ 40% tổng giá trị nhập khẩu. Ngoài Việt Nam và Trung Quốc, Hàn Quốc cũng đẩy mạnh nhập khẩu hồ tiêu từ các thị trường khác như Indonesia, Malaysia và

Brazil ... dự báo nhập khẩu từ các nước này sẽ còn tiếp tục tăng trong năm tiếp theo, cạnh tranh với Việt Nam.

5. Cao su

Theo ANRPC, sản lượng cao su tự nhiên thế giới sẽ phục hồi trong năm 2021 đạt mức 13,7 triệu tấn tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2020, tuy nhiên, vẫn thấp hơn mức sản lượng năm 2019 ở mức 13,8 triệu tấn. Tiêu thụ cao su tự nhiên thế giới năm 2021 sẽ tăng 4,9% so với 2020 lên mức 13,4 triệu tấn. Dịch bệnh vẫn tiếp tục bùng phát tại Hàn Quốc và mối lo về biến chủng mới của Covid-19 tiếp tục gây áp lực lên các ngành sản xuất, trong đó có ngành sản xuất lốp xe ô tô, với nguồn nguyên liệu chính từ cao su.

6. Thủy sản

Tình trạng thiếu tàu biển và thiếu container có thể kéo dài đến tháng 2-3/2021 và chi phí vận chuyển vẫn có thể tăng trong các tháng tới do dịch bệnh vẫn diễn. Do đó, Doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản cần lên kế hoạch và kịch bản ứng phó nhằm hạn chế tối thiểu sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng và giảm thiểu tối đa sụt giảm xuất khẩu của mỗi doanh nghiệp và tổng kim ngạch của toàn ngành trong thời gian tới. Dịch Covid – 19 đã thay đổi thói quen tiêu dùng của người tiêu dùng. Chính vì vậy, Doanh nghiệp cần nâng cao khả năng chế biến của mình bằng việc tập trung đầu tư công nghệ, chế biến chuyên sâu, gia tăng giá trị, đáp ứng tốt nhu cầu của các nước nhập khẩu. Doanh nghiệp phát triển những sản phẩm chế biến sâu, giá trị gia tăng để phục vụ đa dạng hóa đối tượng khách hàng và phân khúc thị trường

7. Gỗ và các sản phẩm từ gỗ

Dự báo Hàn Quốc sẽ tiếp tục đà tăng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ từ thị trường Trung Quốc và Việt Nam. Một số thị trường khác như Indonesia, Malaysia, Italy, Thái Lan chỉ tỷ trọng nhỏ trong tổng lượng nhập khẩu đồ nội thất bằng gỗ của Hàn Quốc.

PHỤ LỤC

Bảng 1: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc năm 2020

STT	Sản phẩm	Năm 2020 (USD)	Tăng/giảm so với 2019	Tỷ trọng
1	Thủy sản	770.896.429	-1,39%	38,32%
2	Rau quả	142.976.649	8,46%	7,11%
3	Cà phê	69.519.493	4,53%	3,46%
4	Hạt tiêu	14.196.522	8,46%	0,71%
5	Sắn và SP sắn	28.185.181	-3,89%	1,40%
6	TAGS & NL	18.552.139	-18,54%	0,92%
7	Phân bón	3.370.656	-57,88%	0,17%
8	Cao su	50.120.954	-24,94%	2,49%
9	SP cao su	74.504.940	7,81%	3,70%
10	Mây tre đan	21.208.723	15,20%	1,05%
11	Gỗ và SP gỗ	792.787.000	3,21%	40,67%
Tổng XK NLTS		2.011.795.076	0,57%	100,00%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 2: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 12/2020

TT	Loại sản phẩm	Tháng 12/2019		Tháng 12/2020		So sánh 2020/2019 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1	Gạo trắng	22.140	9.329.796	18.721	9.642.651	-15,4%	3,4%
2	Các loại gạo khác	23	13.732	26	14.327	13,9%	4,3%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 12/2020

Mặt hàng	T12/2019	T12/2020	So sánh T12/2019 và T12/2020
Chưa rang, chưa khử caffein (HS 090111)	4.201,76	4.994,47	18,87%
Chưa rang, đã khử caffein (HS 090112)	60,07	-	-100,00%
Đã rang, chưa khử caffein (HS 090121)	95,08	621,07	553,20%
Đã rang, đã khử caffein (HS 090121)	173,99	-	-100,00%
Cà phê khác (HS090190)	1.366,28	52,56	-96,15%
Chiết xuất, tinh chất và cô đặc (HS 210111)	694,12	1.734,24	149,85%
Chế phẩm có TP chiết xuất, tinh chất hoặc cô đặc	-	768,86	-
Tổng	6.591,29	8.171,20	23,97%

Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 12/2020

TT	Sản phẩm	Tháng 12/2019 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh T12.2020/T12.2019
	Tổng giá trị XK	12.120.669	10.045.013	-17,1%
1	Hạt mè	3.665.855	3.699.043	0,9%
2	Xoài	1.050.892	673.097	-35,9%
3	Dưa chuột	586.791	441.275	-24,8%
4	Thanh long	308.534	403.429	30,8%
5	Ốt	1.673.837	338.961	-79,7%
6	Khoai lang	242.206	330.351	36,4%
7	Bưởi		311.712	
8	Dừa	172.218	303.115	76,0%
9	Chuối	250.949	295.853	17,9%
10	Khác	4.169.388	3.248.177	-22,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 5: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang Hàn Quốc tháng 12/2020

TT	Sản phẩm	2019 (USD)	2020 (USD)	So sánh 2020/2019
1	Động vật sống khác	426.238,0	557.410,0	31%
2	Thịt và phụ phẩm giết mổ của gia cầm	-	142.094,4	-
3	Thịt khác	274.283,4	511.538,2	86%
4	Thịt chế biến (xúc xích, hun khói, muối, v.v.)	1.092.813,7	246.663,7	-77%
Tổng		1.793.335,2	1.457.706,3	-19%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Bảng 6: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 12 năm 2020

Loại sản phẩm	Tháng 12/2019 (USD)	Tháng 12/2020 (USD)	So sánh 2020/19 (%)
Cá ngừ	69.279.736,00	70.388.976,00	1,60%
Cá tra	61.450,00	148.960,00	142,41%
Cua - ghẹ	501.538,40	368.850,40	-26,46%
Mực và bạch tuộc	456.879,20	189.335,50	-58,56%
Tôm sú	15.864.434,78	21.277.796,09	34,12%
Tôm thẻ chân trắng	1.067.508,56	1.538.743,04	44,14%
Tôm loại khác	23.358.207,14	22.554.580,86	-3,44%
Thủy sản khác	2.726.371,72	2.257.312,48	-17,20%

Nguồn: Tổng cục Hải quan